

Ấn Độ và Trung Quốc tại Đông Nam Á: Cuộc đua về ảnh hưởng chiến lược

Nguyễn Thu Trang*

Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và châu Phi, 176 Thái Hà, phường Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 23/6/2025; ngày chuyển phản biện 25/6/2025; ngày nhận phản biện 16/7/2025; ngày chấp nhận đăng 22/7/2025

Tóm tắt:

Sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa Ấn Độ và Trung Quốc tại Đông Nam Á ngày càng gia tăng trong bối cảnh tái cấu trúc trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, Ấn Độ theo đuổi chính sách “Hành động hướng Đông” như một chiến lược đối trọng với Sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc. Nghiên cứu tập trung phân tích mối cạnh tranh chiến lược giữa hai quốc gia trong ba lĩnh vực: kinh tế, ngoại giao và an ninh năng lượng, giai đoạn từ năm 2014 đến 2025. Về phương pháp, bài viết vận dụng cách tiếp cận phân tích chính sách và lý thuyết cạnh tranh quyền lực trong quan hệ quốc tế để lý giải động lực chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng kết hợp giữa phân tích nội dung văn kiện chính sách, so sánh định hướng chiến lược và nghiên cứu tình huống tại một số quốc gia ASEAN. Kết quả là Trung Quốc duy trì ưu thế nhờ năng lực tài chính và mạng lưới thiết chế sâu rộng, trong khi Ấn Độ dù gia tăng can dự nhưng vẫn bị giới hạn bởi năng lực triển khai. Cuộc cạnh tranh này không chỉ định hình lại cán cân quyền lực khu vực mà còn đặt ra thách thức cho ASEAN trong việc duy trì cân bằng chiến lược.

Từ khóa: ảnh hưởng chiến lược, Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Quốc.

Chỉ số phân loại: 5.6, 5.12

India and China in Southeast Asia: Competition for strategic influence

Thu Trang Nguyen*

Institute for South Asian, West Asian and African Studies, 176 Thai Ha, Dong Da Ward, Hanoi, Vietnam

Received 23 June 2025; revised 16 July 2025; accepted 22 July 2025

Abstract:

The competition for influence between India and China in Southeast Asia has intensified amid the ongoing restructuring of the Indo-Pacific regional order. Under Prime Minister Narendra Modi, India pursues its Act East policy as a strategic counterbalance to China's Belt and Road Initiative. This study analyses strategic competition across three domains: economics, diplomacy, and energy security, over the 2014-2025 period. Methodologically, the article adopts policy analysis and the theory of power competition in international relations to explain the strategic motivations of India and China. The qualitative research combines content analysis of policy documents, comparative analysis of strategic orientations, and case studies from selected ASEAN member states. The findings show that China retains an advantage through its financial capacity and extensive institutional networks, whereas India, despite its growing engagement, remains constrained by its implementation capacity. This strategic contest not only reshapes regional balance but also poses challenges for ASEAN in maintaining strategic balance.

Keywords: China, India, Southeast Asia, strategic influence.

Classification numbers: 5.6, 5.12

*Email: Trangkum91@gmail.com

1. Giới thiệu

Sự nổi lên của Ấn Độ và Trung Quốc như hai cường quốc châu Á đang tạo ra những biến chuyển sâu sắc trong cấu trúc quyền lực khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đông Nam Á, với vị trí chiến lược nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, đã trở thành không gian cạnh tranh ảnh hưởng trực tiếp giữa hai quốc gia này. Việc kiểm soát chuỗi cung ứng, tuyến hàng hải và dòng chảy năng lượng qua khu vực không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn là yếu tố sống còn trong việc xác lập vai trò cường quốc khu vực. Theo báo cáo của ASEAN (2023) [1], tổng kim ngạch thương mại giữa ASEAN và Trung Quốc đã vượt mốc 975 tỷ USD, trong khi con số này với Ấn Độ chỉ đạt 131,5 tỷ USD - cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về mức độ ảnh hưởng kinh tế tại khu vực [2].

Tuy nhiên, cuộc đua ảnh hưởng không chỉ diễn ra trên lĩnh vực thương mại. Trung Quốc theo đuổi Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI) với định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kết nối và mở rộng không gian ảnh hưởng chiến lược, trong khi Ấn Độ - từ sau khi Thủ tướng Narendra Modi nhậm chức năm 2014 - tái cấu trúc chính sách đối ngoại bằng học thuyết “Hành động hướng Đông”, coi ASEAN là trung tâm địa chính trị trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mở rộng. Phát biểu tại Hội nghị cấp cao ASEAN - Ấn Độ năm 2024, ông Modi nhấn mạnh: “Ấn Độ và ASEAN là những đối tác tự nhiên, cùng cam kết vì hòa bình, ổn định và thịnh vượng khu vực” [3].

Mặc dù chủ đề này đã nhận được sự quan tâm nhất định trong các công trình học thuật gần đây, phần lớn các nghiên cứu vẫn tiếp cận theo hướng đơn tuyến hoặc thiếu đối sánh hệ thống. S.D. Muni và cs (2020) [4] tập trung phân tích tiến trình hình thành chính sách “Hành động hướng Đông” của Ấn Độ nhưng không so sánh trực tiếp với chiến lược BRI của Trung Quốc như một công cụ gia tăng ảnh hưởng. Tương tự, Panda (2021) [5] làm rõ cách thức Trung Quốc sử dụng BRI tại Đông Nam Á, tuy nhiên chưa đi sâu đánh giá phản ứng chiến lược tương ứng từ phía Ấn Độ. Các công trình như R. Rajagopalan (2022) [6], R. Doshi (2021) [7] tiếp cận từ những lát cắt riêng lẻ - về kết nối hạ tầng, an ninh biển hay cạnh tranh Mỹ - Trung, trong khi chưa có nghiên cứu nào xây dựng khung phân tích toàn diện đối sánh Ấn - Trung trong ba lĩnh vực: kinh tế, ngoại giao và an ninh năng lượng. Thêm vào đó, nhiều nghiên cứu hiện hành chưa vận dụng hiệu quả khung lý thuyết về cạnh tranh quyền lực khu vực để lý giải bản chất chiến lược của sự đối đầu này.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu này đặt mục tiêu phân tích và đối sánh chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc tại Đông Nam Á trong ba trụ cột: kinh tế, ngoại giao và an ninh năng lượng, tập trung vào giai đoạn 2014 - 2024, tương ứng với hai nhiệm kỳ (nhiệm kỳ đầu 2014 - 2019; nhiệm kỳ 2: 2019 - 2024) của Thủ tướng Narendra Modi. Bài viết sử dụng khung lý thuyết cạnh tranh quyền lực và phân tích chính sách đối ngoại khu vực, kết hợp với dữ liệu thực chứng và nghiên cứu tình huống tại các quốc gia ASEAN để làm rõ động cơ, công cụ triển khai và mức độ ảnh hưởng của mỗi bên. Qua đó, nghiên cứu hướng tới nhận diện bản chất cạnh tranh Ấn - Trung trong cấu trúc quyền lực mới và gợi mở các hàm ý chiến lược cho Việt Nam trong việc định vị và hoạch định chính sách đối ngoại.

2. Kết quả và bàn luận

2.1. Phân tích ảnh hưởng chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc tại Đông Nam Á

Trong trật tự đang định hình của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Đông Nam Á trở thành không gian cạnh tranh chiến lược ngày càng rõ nét giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Việc phân tích

hành vi đối ngoại của hai quốc gia này thông qua lăng kính lý thuyết cạnh tranh quyền lực (power competition theory) và chính sách đối ngoại khu vực (regional foreign policy theory) cho phép nhận diện bản chất chiến lược của sự cạnh tranh không chỉ dưới dạng mô tả hiện tượng, mà còn là hệ quả của xung đột trong cấu trúc quyền lực đang tái định hình. Ba lĩnh vực then chốt - kinh tế, ngoại giao và an ninh năng lượng chính là những biểu hiện rõ nhất của quá trình định hình ảnh hưởng và nỗ lực chiếm lĩnh vị trí lãnh đạo khu vực.

2.1.1. Kinh tế

Từ góc nhìn lý thuyết cạnh tranh quyền lực, kinh tế là công cụ quan trọng để mở rộng ảnh hưởng chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh “chuyển dịch mềm” (soft power shift) thông qua các thiết chế tài chính và đầu tư hạ tầng. Trung Quốc đã sử dụng quyền lực địa kinh tế như một phương tiện “định hình cấu trúc phụ thuộc” tại Đông Nam Á.

Thương mại song phương: Phân tích số liệu thương mại song phương giữa ASEAN với Trung Quốc và Ấn Độ từ bảng 1 cho thấy sự chênh lệch đáng kể về quy mô và cấu trúc ảnh hưởng. Năm 2023, tổng kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN đạt 911,7 tỷ USD, chiếm khoảng 15,4% tổng ngoại thương của Trung Quốc, duy trì vị trí đối tác thương mại lớn nhất của khối trong 15 năm liên tiếp. Trong khi đó, thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN đạt 120,8 tỷ USD, chiếm 11% tổng thương mại toàn cầu của Ấn Độ, xếp thứ sáu trong số các đối tác đối thoại của khối. Đáng chú ý, năm 2023 Trung Quốc xuất khẩu sang ASEAN 523,7 tỷ USD trong khi chỉ nhập khẩu 388 tỷ USD, tạo ra mức thặng dư 135 tỷ USD, con số lớn nhất trong các đối tác thương mại của ASEAN, nơi hàng hóa Trung Quốc chiếm lĩnh thị trường ASEAN [8]. Trong khi đó, Ấn Độ ở trạng thái thâm hụt thương mại với ASEAN, nhưng quy mô nhỏ hơn đáng kể - chỉ khoảng 44 tỷ USD [9].

Bảng 1: Tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc - ASEAN và Ấn Độ - ASEAN.

Năm	Nước	ASEAN		Nước	ASEAN	
		Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (Triệu USD)	Tỷ trọng so với toàn cầu (%)		Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (Triệu USD)	Tỷ trọng so với toàn cầu (%)
2014	Trung Quốc	480.384	11,2	Ấn Độ	75.751	10
2015	Trung Quốc	472.163	12,3	Ấn Độ	67.944	10
2016	Trung Quốc	452.200	12,3	Ấn Độ	64.603	10
2017	Trung Quốc	514.822	12,5	Ấn Độ	80.724	11
2018	Trung Quốc	587.417	12,7	Ấn Độ	83.529	11
2019	Trung Quốc	641.460	14	Ấn Độ	86.916	11
2020	Trung Quốc	684.599	14,7	Ấn Độ	78.906	11
2021	Trung Quốc	878.200	14,5	Ấn Độ	110.409	11
2022	Trung Quốc	975.431	15,5	Ấn Độ	131.577	12
2023	Trung Quốc	911.718	15,4	Ấn Độ	120.871	11

Nguồn: India's Ministry of Commerce and Industry (2024), General Administration of Customs of China (2024) [10, 11].

Dưới lăng kính lý thuyết cạnh tranh quyền lực, thặng dư thương mại lớn không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn là công cụ để thiết lập ảnh hưởng chiến lược dài hạn. Việc Trung Quốc duy trì

mức xuất siêu vượt trội phản ánh một hình thái của “quyền lực địa kinh tế” (geo-economic power), trong đó thương mại được sử dụng như đòn bẩy để tạo ra các cấu trúc phụ thuộc ngầm đối với thị trường và chuỗi cung ứng khu vực. Thặng dư thương mại lớn của Trung Quốc so với ASEAN (gần 130 tỷ USD) không chỉ là một vấn đề kinh tế, mà còn là công cụ ảnh hưởng chính trị, đặt một số quốc gia ASEAN (như Campuchia, Lào, Myanmar) vào trạng thái phụ thuộc chiến lược – đúng như lý thuyết thể chế hóa ảnh hưởng (institutionalised influence), khi các quan hệ thương mại được thiết kế không đơn thuần để trao đổi lợi ích mà còn nhằm chi phối không gian chính sách của các quốc gia tiếp nhận.

2.1.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Số liệu đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Trung Quốc và Ấn Độ vào ASEAN giai đoạn 2015 - 2022 ở bảng 2 cho thấy một sự phân hóa rõ rệt cả về quy mô, phạm vi và chiến lược ảnh hưởng giữa hai quốc gia.

Bảng 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc và Ấn Độ vào các thành viên ASEAN

(Đơn vị: tỷ USD)

Quốc gia nhận đầu tư	Quốc gia đầu tư	Năm							
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Brunei	Trung Quốc	-	-	-	-	-	0,001	0,003	0,004
	Ấn Độ	-	-	-	-	-	0,001	0,001	0,001
Campuchia	Trung Quốc	0,5	0,5	0,6	0,6	0,65	0,5	0,47	0,5
	Ấn Độ	0,1	0,1	0,2	0,2	0,4	0,3	0,4	0,4
Indonesia	Trung Quốc	0,3	0,7	2,1	2,5	3,5	3,8	4,4	4,9
	Ấn Độ	0,1	0,2	0,2	0,4	0,4	0,5	0,9	1,1
Lào	Trung Quốc	0,7	0,7	1,3	1,4	1,4	1,3	1,2	1,3
	Ấn Độ	0,01	0,02	0,03	0,1	0,07	0,2	0,2	0,2
Malaysia	Trung Quốc	0,3	1,4	1,6	1,4	1,5	1,6	2,4	3,5
	Ấn Độ	0,2	0,3	0,3	0,6	0,9	0,9	1,1	1,2
Myanmar	Trung Quốc	0,1	0,2	0,6	0,5	0,4	0,3	0,2	0,3
	Ấn Độ	0,01	0,07	0,1	0,2	0,2	0,1	0,2	0,3
Philippines	Trung Quốc	0,1	0,3	0,4	0,7	1,1	1,3	1,2	0,16
	Ấn Độ	0,2	0,3	0,3	0,4	0,6	0,6	0,9	1
Singapore	Trung Quốc	4	6	4,5	5,2	6,1	7,4	8,4	8,6
	Ấn Độ	0,9	1,7	1,9	2	2,1	2	2,1	2,1
Thái Lan	Trung Quốc	0,2	1,1	0,1	0,7	1,2	1,6	1,4	1,5
	Ấn Độ	0,1	0,2	0,3	0,9	0,8	0,9	1,1	1,2
Việt Nam	Trung Quốc	0,4	1	0,9	1,1	1,8	1,9	2,1	2,1
	Ấn Độ	0,01	0,1	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	0,3
ASEAN	Trung Quốc	6,6	11,9	12,1	14,1	17,65	19,7	21,77	22,86
ASEAN	Ấn Độ	1,63	2,99	3,53	5	5,67	5,8	7,1	7,8
ASEAN	Thế giới	120	110	153	148	176	121	176	179

Nguồn: Ministry of Commerce of the People's Republic of China (2022), ASEAN Secreta (2025) [12, 13].

Trung Quốc nổi bật với vị thế nhà đầu tư lớn nhất ngoài khối, với tổng vốn FDI đổ vào ASEAN đạt 22,86 tỷ USD vào năm 2022,

trong khi Ấn Độ chỉ đạt 7,8 tỷ USD. Các khoản đầu tư của Trung Quốc không chỉ vượt trội về lượng, mà còn trải đều và tập trung ở các nền kinh tế then chốt như Singapore (8,6 tỷ USD), Indonesia (4,9 tỷ USD), Malaysia (3,5 tỷ USD) và Việt Nam (2,1 tỷ USD) vào năm 2022. Nguồn vốn này chủ yếu được triển khai trong các lĩnh vực hạ tầng chiến lược, năng lượng, logistics và bất động sản công nghiệp, phản ánh nỗ lực thiết lập ảnh hưởng cấu trúc thông qua Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Từ góc nhìn của lý thuyết cạnh tranh quyền lực, Trung Quốc đang chủ động định hình “luật chơi” kinh tế tại Đông Nam Á, xây dựng mạng lưới phụ thuộc tài chính và kỹ thuật nhằm tạo nên quyền lực mềm có điều kiện (conditional soft power): viện trợ tài chính đi kèm chuyển giao kỹ thuật, sử dụng nhân lực Trung Quốc và ưu tiên nhà thầu nội địa thông qua kiểm soát hạ tầng và dòng chảy đầu tư. Từ năm 2013 đến năm 2023, Trung Quốc đã đầu tư khoảng 25,85 tỷ USD vào các quốc gia trong khuôn khổ Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI), với tổng vốn đầu tư trực tiếp phi tài chính lũy kế đạt khoảng 419 tỷ USD [14]. Riêng với ASEAN, trong năm 2023, Trung Quốc đã đầu tư khoảng 25,12 tỷ USD, nâng tổng vốn đầu tư trực tiếp lũy kế giữa hai bên lên hơn 400 tỷ USD [15]. Năm 2023, Trung Quốc đầu tư vào ASEAN tổng cộng 25,12 tỷ USD, trở thành một trong ba nhà đầu tư hàng đầu của khối. Các dự án tiêu biểu như tuyến đường sắt Lào - Trung, cảng nước sâu Kyaukpyu tại Myanmar, và tuyến đường sắt bờ Đông Malaysia ECRL cho thấy tham vọng tạo lập mạng lưới hạ tầng xuyên quốc gia do Trung Quốc dẫn dắt [16]. Tuy nhiên, các khoản đầu tư này đi kèm ràng buộc tài chính, kỹ thuật và thể chế, từ việc sử dụng nhà thầu Trung Quốc, thiết bị Trung Quốc, đến điều khoản vay không minh bạch. Dưới góc nhìn chính sách đối ngoại khu vực, đây là một hình mẫu “thể chế hóa ảnh hưởng” khi quyền lực kinh tế được triển khai thông qua các cơ chế song phương ưu tiên lợi ích chiến lược của Bắc Kinh.

Ngược lại, FDI của Ấn Độ tuy khiêm tốn về giá trị tuyệt đối nhưng lại phản ánh một chiến lược cân bằng mềm (soft balancing) điển hình, thông qua các công cụ không mang tính đối đầu trực tiếp mà nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc bằng cách mở rộng các lựa chọn chiến lược cho ASEAN. Trong khi đó, Ấn Độ tiếp cận ASEAN bằng các hành lang kết nối mang tính hỗ trợ kỹ thuật như Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Myanmar - Thái Lan (IMT), cảng Sittwe, và tuyến Kaladan. Mặc dù tổng FDI còn nhỏ (7,8 tỷ USD năm 2022), chỉ chiếm dưới 2% tổng FDI vào ASEAN nhưng Ấn Độ tập trung vào các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao và đào tạo nguồn nhân lực – thể hiện định hướng chính sách đối ngoại mang tính “gắn kết giá trị” (value-based partnership), thay vì kiểm soát tài chính. Ấn Độ vì thế trở thành một lựa chọn chiến lược trong chiến lược tự chủ của ASEAN, giúp khu vực cân bằng ảnh hưởng trước sự áp đảo của Trung Quốc mà không rơi vào đối đầu trực tiếp.

Cuộc đua chiến lược giữa Trung Quốc và Ấn Độ tại Đông Nam Á không chỉ là sự đối đầu về lượng đầu tư, mà là sự cạnh tranh giữa hai mô hình ảnh hưởng quyền lực: mô hình dựa trên kiểm soát hạ tầng vật lý và mạng lưới phụ thuộc của Trung Quốc, đối lập với mô hình dựa trên nâng cao năng lực thể chế và đa dạng hóa hợp tác của Ấn Độ. Trong bối cảnh ASEAN ngày càng đóng vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, thì khả năng cạnh tranh ảnh hưởng trong lĩnh vực kết nối và đầu tư sẽ là chỉ báo then chốt về vị thế lãnh đạo khu vực trong

thế kỷ 21. Dưới lăng kính so sánh, có thể thấy rằng Trung Quốc đang theo đuổi một mô hình thiết lập ảnh hưởng qua kiểm soát cấu trúc (structural dominance), còn Ấn Độ chủ động xây dựng ảnh hưởng qua thiết lập năng lực thể chế (institutional capacity-building) và liên kết mềm (soft connectivity). Cả hai chiến lược đều là biểu hiện của cuộc cạnh tranh quyền lực phi truyền thống trong thời đại mới, nơi quyền lực không chỉ được đo bằng sức mạnh quân sự, mà còn thông qua khả năng định hình cấu trúc thể chế, tiêu chuẩn kỹ thuật và mạng lưới hợp tác khu vực.

2.2. Ngoại giao

Nếu kinh tế là công cụ thiết lập ảnh hưởng cấu trúc, thì ngoại giao đóng vai trò là phương tiện biểu đạt chiến lược ảnh hưởng và vị thế quốc tế của một quốc gia. Trong bối cảnh Đông Nam Á trở thành trung tâm chiến lược trong cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Trung Quốc và Ấn Độ đều đẩy mạnh hiện diện ngoại giao song phương và đa phương nhằm khẳng định vai trò, cạnh tranh ảnh hưởng và tranh thủ sự ủng hộ từ ASEAN. Trung Quốc và Ấn Độ đều mở rộng hiện diện ngoại giao của mình thông qua ba tầng nấc.

2.2.1. Tầng nấc thứ nhất - ngoại giao song phương

Trong vòng 5 năm qua (2019-2024), Trung Quốc đã triển khai một chiến lược ngoại giao chủ động với tần suất tiếp xúc cấp cao dày đặc cùng số lượng lớn các thỏa thuận song phương được ký kết. Chỉ riêng trong giai đoạn 2023-2025, Chủ tịch Tập Cận Bình đã thực hiện các chuyến thăm cấp nhà nước đến ba quốc gia ASEAN là Việt Nam, Malaysia và Campuchia, mỗi chuyến thăm đều đi kèm với việc ký kết từ 31 đến 45 văn kiện hợp tác. Đáng chú ý, trong chuyến thăm Campuchia vào tháng 4/2025, Trung Quốc đã ký tới 37 thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, du lịch và nông nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế là nhà tài trợ chiến lược hàng đầu của quốc gia này [17]. Với Malaysia, Trung Quốc ký kết 31 thỏa thuận, bao gồm cả việc tái khởi động dự án đường sắt ECRL, một mắt xích then chốt trong Sáng kiến BRI [18]. Đặc biệt tại Việt Nam, Trung Quốc đã ký kết tổng cộng 14 thỏa thuận chỉ trong hai đợt công du vào năm 2024, liên quan đến hạ tầng logistics, số hóa thương mại và hợp tác nông sản cho thấy chiến lược “kết nối mềm” đang được Bắc Kinh gia tăng trong quan hệ song phương với Việt Nam [19]. Hầu hết các thỏa thuận đều mang tính ràng buộc cấu trúc gắn với cam kết tài chính cụ thể, hỗ trợ hạ tầng hoặc dự án kinh tế - kỹ thuật trọng điểm, qua đó tạo lập một dạng “mạng lưới ảnh hưởng có kiểm soát”, nơi lợi ích kinh tế đi kèm ràng buộc chính trị. Mô hình này không những tăng cường sự hiện diện hữu hình của Trung Quốc tại Đông Nam Á, mà còn thiết lập cấu trúc phụ thuộc song phương làm suy giảm tính độc lập của đối tác trong các vấn đề khu vực.

Ở chiều ngược lại, Ấn Độ lại triển khai một mô hình ngoại giao song phương giàu tính thể chế và mang định hướng kiến tạo lòng tin, thay vì tái cấu trúc quan hệ quyền lực. Thay vì áp đặt quyền lực, Ấn Độ tiếp cận ASEAN với tư cách một đối tác đồng kiến tạo, nhấn mạnh tự chủ chiến lược và nguyên tắc đồng phát triển. Phát biểu tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 21 (Vientiane, tháng 10/2024), Thủ tướng Narendra Modi khẳng định: “Chúng tôi cam kết củng cố Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện giữa Ấn Độ và ASEAN. Tôi tin tưởng rằng cùng nhau, chúng ta sẽ tiếp tục nỗ lực vì phúc lợi con người, hòa bình khu vực, ổn định và thịnh vượng”

[3]. Trong khi đó, thay vì theo đuổi các dự án hạ tầng quy mô lớn như Trung Quốc, Ấn Độ tập trung vào tiến trình đàm phán lại Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Ấn Độ (AITIGA) với bốn vòng họp cấp ủy ban chung được tổ chức từ 2022 đến 2024, hướng tới một hiệp định thương mại “cân bằng hơn, tương hỗ hơn”. Trong cuộc đua ảnh hưởng chiến lược tại Đông Nam Á, tầng nấc ngoại giao song phương chính là bức tranh phản chiếu cạnh tranh mô hình quyền lực: một bên đòi hỏi gắn bó vật chất đối lấy ưu tiên chính trị, bên kia tìm kiếm đồng thuận chiến lược dựa trên giá trị chung. ASEAN, trong vai trò trung tâm khu vực, đang đứng trước bài toán tối ưu hóa lợi ích quốc gia mà không đánh đổi sự tự chủ - và ngoại giao song phương là nơi các lựa chọn ấy hiện hữu một cách rõ ràng nhất.

2.2.2. Tầng nấc thứ 2 - ngoại giao đa phương

Nếu tầng nấc song phương là nơi thể hiện trực tiếp nhất sức mạnh và mức độ hiện diện của một cường quốc đối với từng quốc gia ASEAN, thì tầng nấc đa phương, đặc biệt là trong các cơ chế ASEAN+, là nơi các cường quốc cạnh tranh mô hình định hình trật tự khu vực, thông qua đấu tranh thể chế, cạnh tranh diễn ngôn, và mở rộng mạng lưới liên minh chính trị. Đối với cả Trung Quốc và Ấn Độ, sự hiện diện trong các diễn đàn như ASEAN+1, ASEAN+3, ARF, ADMM+, hay EAS không chỉ là vấn đề “thể hiện thiện chí”, mà là kênh thể chế hóa ảnh hưởng lâu dài, nơi mỗi hành động, tuyên bố hay sáng kiến đều là một phần của chiến lược quyền lực mềm và cấu trúc.

Trung Quốc từ lâu đã sử dụng các diễn đàn ASEAN+ như một công cụ để điều chỉnh luật chơi khu vực theo định hướng của mình, đồng thời hạn chế sự can dự của các đối tác bên ngoài như Hoa Kỳ, Nhật Bản hay Ấn Độ. Là một thành viên chủ động của ASEAN+1, EAS, ARF và ADMM+, Bắc Kinh thường xuyên đề xuất các sáng kiến mang tính “trung tâm hóa ảnh hưởng”, từ hợp tác thương mại, cơ sở hạ tầng, đến y tế và an ninh mạng. Tại Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), Trung Quốc thể hiện rõ vai trò “người bảo vệ ổn định khu vực”, nhưng trên thực tế lại thường xuyên phản đối các đề xuất mở rộng an ninh hàng hải, tự do hàng không, nếu điều đó đụng chạm đến lợi ích của nước này ở Biển Đông. Trong các cơ chế ASEAN+ như EAS, ARF, và ADMM+, Ấn Độ thể hiện rõ lập trường ủng hộ cấu trúc khu vực mở, bao trùm và dựa trên luật lệ. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN - Ấn Độ lần thứ 21 (2024), Thủ tướng Modi khẳng định ASEAN là “trung tâm” trong cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cam kết không can thiệp chính trị, không ràng buộc điều kiện viện trợ, và đồng hành cùng ASEAN trên tinh thần “đồng phát triển - đồng bảo vệ” [3]. Điều này đối lập rõ với quan điểm của Trung Quốc trong các cơ chế đa phương, nơi Bắc Kinh thường phủ quyết các đề xuất thúc đẩy minh bạch quân sự, tự do hàng hải hay quy tắc ứng xử ràng buộc.

2.2.3. Tầng nấc thứ 3 - hình thành các sáng kiến chiến lược riêng

Nếu ngoại giao song phương là mặt trận biểu hiện trực tiếp của ảnh hưởng và ngoại giao đa phương là không gian chi phối cấu trúc luật lệ hiện hành, thì tầng nấc thứ ba, sáng kiến chiến lược riêng, phản ánh tham vọng cao nhất của một cường quốc trong việc định hình trật tự khu vực theo tầm nhìn riêng. Tại Đông Nam Á, Trung Quốc và Ấn Độ đã triển khai những sáng kiến mang tính

định chế – chiến lược nhằm mở rộng ảnh hưởng theo chiều sâu, với các mô hình tiếp cận thể hiện sự đối lập về mục tiêu, phương pháp và mức độ can thiệp.

Đối với Trung Quốc, Sáng kiến BRI đã được triển khai từ năm 2013 như một công cụ mang tính chiến lược toàn diện nhằm tái định hình trật tự kinh tế - chính trị khu vực. Đông Nam Á là một trong những trọng tâm triển khai BRI, với hàng trăm dự án hạ tầng, đặc biệt kinh tế, cảng biển, đường sắt xuyên quốc gia và mạng lưới logistics được xây dựng tại gần như toàn bộ các quốc gia ASEAN. Tiêu biểu là tuyến đường sắt cao tốc Jakarta-Bandung tại Indonesia trị giá 7,3 tỷ USD – tuyến cao tốc đầu tiên ở khu vực này, được xem là biểu tượng của “ngoại giao hạ tầng” Trung Quốc [20]. Tại Lào, tuyến đường sắt Trung Quốc - Lào trị giá 6 tỷ USD đã biến quốc gia không giáp biển này trở thành điểm trung chuyển chiến lược trong chuỗi logistics liên Á [21]. Dự án ECRL ở Malaysia (10 tỷ USD) và cảng Muara tại Brunei do Trung Quốc thi công tiếp tục cho thấy tham vọng tích hợp Đông Nam Á vào một mạng lưới hạ tầng xuyên quốc gia do Trung Quốc làm “kiến trúc sư” [22]. Tại Việt Nam, Trung Quốc hiện là nhà đầu tư của gần 4.000 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 26 tỷ USD, phản ánh mức độ gắn kết kinh tế ngày càng sâu sắc [23].

Ngoại giao, bao gồm cả quan hệ song phương và tham gia đa phương không chỉ là phương tiện giao tiếp chính trị thông thường giữa các quốc gia, mà ngày nay đã trở thành một tầng nấc quyền lực chiến lược, nơi các cường quốc cạnh tranh mô hình tiếp cận, định vị vai trò, và mở rộng ảnh hưởng thông qua cả hình thức chính thức và phi chính thức. Trong trường hợp của Trung Quốc và Ấn Độ tại Đông Nam Á, sự khác biệt trong chiến lược ngoại giao không chỉ phản ánh sự tương phản về năng lực, mà còn là biểu hiện của hai định hướng ảnh hưởng rõ rệt: một bên tìm cách tái cấu trúc trật tự khu vực bằng quyền lực định chế áp đặt; bên kia tìm kiếm đồng thuận và xây dựng thể chế từ dưới lên. Từ đối sánh hai mô hình, có thể khẳng định rằng ngoại giao chính là biểu hiện rõ ràng nhất cho sự đối đầu giữa hai hình thái ảnh hưởng chiến lược: một bên là quyền lực cấu trúc dựa trên ràng buộc vật chất và thể chế, bên kia là quyền lực mềm dựa trên sự đồng thuận, hỗ trợ và chia sẻ năng lực. Trung Quốc tìm cách mở rộng không gian ảnh hưởng thông qua mật độ tiếp xúc cao và đồng thuận chính sách có điều kiện; trong khi Ấn Độ xây dựng ảnh hưởng bằng cách tạo ra các kênh hợp tác không ràng buộc và thúc đẩy sự phát triển nội tại của đối tác. Với các quốc gia ASEAN, việc cân bằng giữa hai mô hình ngoại giao này không chỉ là lựa chọn chính sách đối ngoại, mà còn là lựa chọn mô hình phát triển và trật tự khu vực mà họ muốn trở thành một phần trong đó.

2.3. Năng lực

Đông Nam Á đóng vai trò quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc và Ấn Độ do vị trí địa lý gần gũi, giàu tài nguyên thiên nhiên và có vùng biển Thái Bình Dương rộng lớn cùng với nguồn dự trữ năng lượng giàu có. Chính phủ Trung Quốc tập trung vào việc xác định nguồn dự trữ và cải thiện cơ sở hạ tầng năng lượng ở Đông Nam Á, đặt các nước láng giềng Đông Nam Á vào trọng tâm chiến lược đầy tham vọng nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho thế hệ sau. Một số quốc gia ASEAN giàu tài nguyên năng lượng đã chứng kiến sự mở rộng nhanh chóng của dòng vốn đầu tư của Trung Quốc.

Trung Quốc triển khai chiến lược an ninh năng lượng dựa trên nguyên tắc “kết nối hạ tầng - kiểm soát chuỗi cung ứng”, tích hợp sâu vào sáng kiến BRI. Bắc Kinh đã rót hàng chục tỷ USD vào các dự án năng lượng trọng điểm tại Đông Nam Á, đặc biệt tập trung vào các nước có vị trí địa chiến lược hoặc đang thiếu hụt hạ tầng. Tiêu biểu là dự án thủy điện Lower Se San 2 tại Campuchia (400 MW), do Tập đoàn China Huaneng đầu tư, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho Phnom Penh và xuất khẩu sang Việt Nam [24]. Tại Indonesia, Trung Quốc đầu tư vào dự án điện mặt trời nổi Cirata (145 MW), lớn nhất Đông Nam Á, do PowerChina triển khai. Đặc biệt, tại Lào, quốc gia được mệnh danh là “cục pin Đông Nam Á”, Trung Quốc đã tài trợ và vận hành hệ thống thủy điện và điện mặt trời công suất lên tới 1.000 MW, phần lớn phục vụ xuất khẩu điện sang tỉnh Vân Nam [25]. Ngoài ra, Trung Quốc còn kiểm soát các tuyến vận chuyển dầu và khí chiến lược như đường ống từ cảng Kyaukphyu (Myanmar) đến Côn Minh, giúp giảm sự lệ thuộc vào tuyến biển Malacca.

Ngược lại, Ấn Độ tiếp cận trụ cột năng lượng tại Đông Nam Á thông qua chiến lược “hợp tác thể chế - hỗ trợ năng lực”, phản ánh định hướng quyền lực mềm đặc trưng. Thay vì triển khai dự án quy mô lớn, New Delhi tập trung vào nâng cao năng lực khai thác, chuyển giao công nghệ và kết nối thể chế năng lượng. Một trong những hợp tác nổi bật là sự tham gia của Tập đoàn Dầu khí ONGC Videsh trong các lô khai thác ngoài khơi của Việt Nam, bắt chước từ phía Trung Quốc - đây không chỉ là hợp tác kinh tế mà còn là biểu tượng cho cam kết chiến lược của Ấn Độ đối với đối tác then chốt trong khu vực. Bên cạnh đó, Ấn Độ còn đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho chương trình phát triển năng lượng sạch của các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam, thúc đẩy kết nối lưới điện khu vực và đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Dưới khuôn khổ IPOI (Indo-Pacific Oceans Initiative), Ấn Độ thúc đẩy các chương trình hợp tác năng lượng xanh, chống biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh hàng hải năng lượng – những vấn đề đang ngày càng có ý nghĩa chiến lược trong định hình cấu trúc khu vực.

Từ sự đối sánh trên, có thể thấy hai mô hình ảnh hưởng an ninh năng lượng phản ánh hai hệ tư tưởng chiến lược khác nhau: Trung Quốc thúc đẩy hình thái ảnh hưởng cấu trúc, nơi tài chính và hạ tầng đóng vai trò “neo trực phụ thuộc”; trong khi Ấn Độ theo đuổi mô hình đồng kiến tạo năng lực, ưu tiên sự tự chủ và phát triển nội sinh. Với Trung Quốc, sức mạnh đến từ khả năng hiện diện vật chất sâu rộng, nhưng đồng thời đi kèm lo ngại về “bẫy nợ” và ràng buộc chính trị. Ngược lại, Ấn Độ dù hạn chế về tài chính và quy mô, lại được đánh giá cao về tính minh bạch, không điều kiện và phù hợp với mục tiêu đa dạng hóa chiến lược của các nước ASEAN.

3. Kết luận

Cuộc cạnh tranh ảnh hưởng giữa Ấn Độ và Trung Quốc tại Đông Nam Á phản ánh không chỉ sự va chạm giữa hai chiến lược khu vực mà còn là cuộc đối đầu giữa hai mô hình kiến tạo quyền lực đối lập. Trung Quốc, thông qua sáng kiến BRI, các cơ chế như Hợp tác Lan Thương - Mekong và ngoại giao song phương cường độ cao, triển khai một chiến lược kết hợp giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm có điều kiện. Mục tiêu trung tâm của Bắc Kinh là tái cấu trúc không gian phát triển khu vực theo quỹ đạo quyền lực của mình, gắn kết Đông Nam Á vào mạng lưới phụ thuộc tài chính, hạ tầng và thể chế do Trung Quốc thiết kế và kiểm soát.

Ngược lại, Ấn Độ tiếp cận Đông Nam Á bằng mô hình quyền lực mềm bền vững, kết hợp giữa ngoại giao thể chế mềm, hỗ trợ nâng cao năng lực nội tại và đồng kiến tạo trật tự khu vực. Thông qua Chính sách Hành động Hướng Đông (Act East Policy), Sáng kiến IPOI và các chương trình hợp tác năng lượng, thương mại, an ninh phi truyền thống, New Delhi hướng tới xây dựng mối quan hệ đối tác không áp đặt, khuyến khích tự chủ chiến lược và phát triển bền vững cho các quốc gia ASEAN. Đặc biệt, Ấn Độ nhấn mạnh vai trò trung tâm của ASEAN và nguyên tắc dựa trên luật lệ quốc tế, như một phương án thay thế linh hoạt trong bối cảnh trật tự khu vực ngày càng phân cực.

So sánh ba trụ cột cạnh tranh: kinh tế, ngoại giao và an ninh năng lượng cho thấy, Trung Quốc vượt trội về quy mô tài chính, tốc độ hiện diện và khả năng tạo dựng mạng lưới ảnh hưởng vật chất. Tuy nhiên, mô hình của Bắc Kinh cũng đi kèm rủi ro mất lòng tin chiến lược do các vấn đề về bẫy nợ, lệ thuộc thể chế và giảm sút tính tự chủ chính sách của các nước đối tác. Ngược lại, mô hình ảnh hưởng của Ấn Độ, dù còn hạn chế về quy mô tài chính và khả năng triển khai, lại sở hữu những ưu thế quan trọng về độ tin cậy, tính bền vững và sự phù hợp với nhu cầu cân bằng chiến lược ngày càng gia tăng của ASEAN.

Trong tương lai, trật tự khu vực Đông Nam Á sẽ không chỉ bị quyết định bởi sức mạnh kinh tế hay năng lực hạ tầng của các cường quốc, mà còn phụ thuộc vào sự lựa chọn mô hình phát triển, quản trị thể chế và mức độ đa dạng hóa chiến lược của các quốc gia ASEAN. Cuộc đua về ảnh hưởng giữa Ấn Độ và Trung Quốc vì vậy không chỉ là cuộc đối đầu giữa hai cường quốc châu Á, mà còn là phép thử lớn đối với khả năng ASEAN duy trì vai trò trung tâm và tự chủ trong cấu trúc khu vực đang định hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] L. Chen, A.D. Rillo (Eds.) (2024), *Further ASEAN-China Cooperation for Joint Prosperity: Envisioning ACFTA 3.0 in The Digital Era*, Economic Research Institute for ASEAN and East Asia, 259pp.
- [2] Press Information Bureau (2023), "India participates in 20th ASEAN-India Economic Ministers' Meeting in Semarang, Indonesia", *Ministry of Commerce & Industry, Government of India*, <https://www.pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1950902>, accessed 20 August 2024.
- [3] Ministry of External Affairs, Government of India (2024), *English Translation of India's National Statement at The 21st ASEAN-India Summit Delivered by Prime Minister Narendra Modi*, https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/38399/English_translation_of_Indias_National_Statement_at_the_21st_ASEANIndia_Summit_delivered_by_Prime_Minister_Narendra_Modi, accessed 2 March 2025.
- [4] S.D. Muni, R. Mishra (2020), *India's Eastward Engagement: From Antiquity to Act East Policy*, Sage Academic Books, DOI: 10.4135/9789353287757.
- [5] J.P. Panda (2021), *China's BRI Diplomacy: What It Means to India and India's Rise*, Ordnungspolitische Diskurse No. 2021-12, Ordnungspolitisches Portal, 27pp.
- [6] R. Rajagopalan (2022), "India noncommittal on the partnership for global infrastructure and investment", *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2022/08/india-noncommittal-on-the-partnership-for-global-infrastructure-and-investment/>, accessed 3 March 2025.
- [7] R. Doshi (2021), "The long game: China's grand strategy to displace American order", *Oxford University Press*, 432pp, accessed 6 March 2025.
- [8] A. Huld (2024), "China-ASEAN trade and investment relations", *China Briefing*, <https://www.china-briefing.com/news/china-asean-trade-and-investment-relations/>, accessed 4 March 2025.

- [9] A. Rao (2024), "India-ASEAN bilateral and trade relations", *India Briefing*, <https://www.india-briefing.com/news/india-asean-bilateral-and-trade-relations-34518.html/>, accessed 5 March 2025.
- [10] Ministry of Commerce and Industry, Government of India (2024), *Export Import Data Bank (TRADESTAT) - Region-wise Trade: ASEAN*, <https://tradedstat.commerce.gov.in/>, accessed 6 May 2025.
- [11] General Administration of Customs of China (2024), "China's Total Export & Import Values by Country/Region, December 2014-2023 (in USD)", *China Customs Statistics Monthly Bulletin*, <http://english.customs.gov.cn/statics/report/monthly.html>, accessed 6 May 2025.
- [12] Ministry of Commerce of the People's Republic of China (2022), "Annex Table 9: China's outward FDI flows in ASEAN countries, 2013-2021", 2021 Statistical Bulletin of China's Outward Foreign Direct Investment, China Commerce and Trade Press, p.67, <http://images.mofcom.gov.cn/fec/202211/20221118091910924.pdf>, accessed 6 May 2025.
- [13] ASEAN Secretariat (2025), "Flows of inward foreign direct investment into ASEAN Member States by source country (in million US\$)", *ASEANstats Data Portal*, <https://data.aseanstats.org/fdi-by-hosts-and-source-inward?utm>, accessed 24 March 2025.
- [14] Green Finance & Development Center (2024), *China Belt and Road Initiative (BRI) Investment Report 2023*, Fudan University, https://greenfdc.org/wp-content/uploads/2024/02/Nedopil-2024_China-BRI-Investment-Report-2023.pdf, accessed 4 March 2025.
- [15] China International Import Expo (2024), "China-ASEAN economic cooperation reaches new heights", <https://www.ciie.org/zbh/en/news/exhibition/news/20241125/46989.html>, accessed 6 March 2025.
- [16] G. Poling (2018), "Kyaukpyu: Connecting China to the Indian Ocean", Asia Maritime Transparency Initiative, Center for Strategic and International Studies, <https://amti.csis.org/kyaukpyu-china-indian-ocean/>, accessed [accessed 7 March 2025].
- [17] The Better Cambodia (2025), "President Xi Jinping's visit marks new chapter in Cambodia-China comprehensive partnership", <https://thebettercambodia.com/president-xi-jinpings-visit-marks-new-chapter-in-cambodia-china-comprehensive-partnership/>, accessed 6 May 2025.
- [18] A.F. Medina (2025), "Malaysia and China forge strategic partnerships amid U.S. tariff pressures", *ASEAN Briefing*, <https://www.aseanbriefing.com/news/malaysia-and-china-forge-strategic-partnerships-amid-u-s-tariff-pressures/>, accessed 6 May 2025.
- [19] Nhan Dan (2024), "Vietnam and China sign 14 cooperation documents between the two countries", <https://nhandan.vn/viet-nam-trung-quoc-ky-ket-14-van-kien-hop-tac-giua-hai-nuoc-post825723.html>, accessed 7 March 2025 (in Vietnamese).
- [20] T. Wijaya (2024), "Risk is not measured, but contested and compromised": A case study of Jakarta-Bandung High-Speed Railway", *Journal of Contemporary Asia*, **55**(3), pp.405-429, DOI: 10.1080/00472336.2024.2378856.
- [21] R. Tamin (2024), *From Landlocked to Landlinked: Transport Connective Development in Laos*, European Institute for Asian Studies, Policy Brief.
- [22] News Desk (2025), "China, Malaysia strengthen BRI partnership with ECRL", *The Daily CPEC*, <https://thedailycpec.com/china-malaysia-strengthen-bri-partnership-with-ecrl>, accessed 8 March 2025.
- [23] L. Viet (2023), "China invests in nearly 4,000 projects in Vietnam", *Tien Phong*, <https://tienphong.vn/trung-quoc-dau-tu-gan-4000-du-an-o-viet-nam-post1568975.tpo>, accessed 10 March 2025 (in Vietnamese).
- [24] Royal Group (2021), "Hydropower Lower Sesan 2", <https://www.royalgroup.com.kh/business-portfolio/energy-division/hydropower-lower-sesan-2>, accessed 10 May 2025.
- [25] Reuters (2024), "China General Nuclear Advances deal with Laos to build Renewable Power Base", <https://www.reuters.com/markets/deals/china-general-nuclear-advances-deal-with-laos-build-renewable-power-base-2024-08-12>, accessed 5 April 2025.